

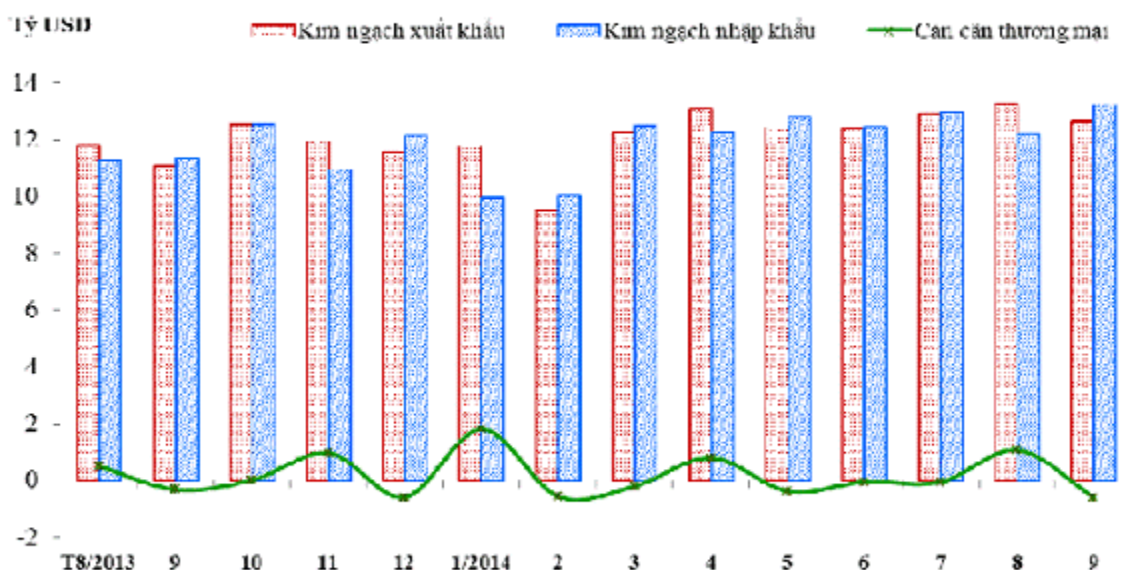
Sơ bộ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 9 và 9 tháng năm 2014

I. Đánh giá chung

Số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam trong tháng 9/2014 là hơn 25,85 tỷ USD, tăng 1,5%, tương ứng tăng 380 triệu USD so với tháng trước. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 12,63 tỷ USD, giảm 4,8%, tương ứng giảm 638 triệu USD so với tháng 8/2014 và nhập khẩu đạt gần 13,22 tỷ USD, tăng 8,3%, tương ứng tăng gần 1,02 tỷ USD. Do vậy, cán cân thương mại hàng hóa trong tháng 9 thâm hụt 582 triệu USD.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 9/2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá cả nước đạt hơn 217,48 tỷ USD, tăng 13%, tương ứng tăng gần 24,99 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2013; trong đó xuất khẩu đạt kim ngạch hơn 109,87 tỷ USD, tăng 14,4%, tương ứng tăng hơn 13,83 tỷ USD; và nhập khẩu đạt gần 107,61 tỷ USD, tăng 11,6%, tương ứng tăng gần 11,16 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng năm 2014 đạt mức thặng dư gần 2,27 tỷ USD.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hóa theo tháng từ tháng 8/2013 đến tháng 9/2014



Nguồn: Tổng cục Hải quan

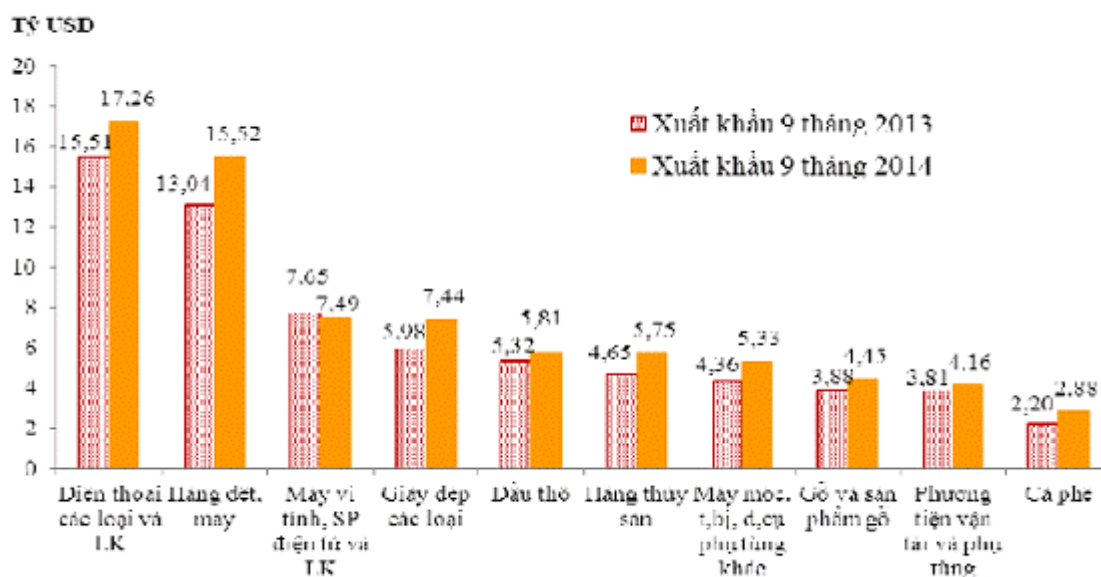
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong tháng 9/2014 đạt gần 16,07 tỷ USD, tăng 6,3%, tương ứng tăng 956 triệu USD so với tháng trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khối này đạt hơn 8,16 tỷ USD, tăng 0,7%, tương ứng tăng 54 triệu USD; kim ngạch nhập khẩu đạt gần 7,91 tỷ USD, tăng 12,9%, tương ứng tăng 902 triệu USD.

Tính đến hết tháng 9/2014 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI đạt hơn 128,47 tỷ USD, tăng 13,1 %, tương ứng tăng hơn 14,92 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2013; trong đó xuất khẩu là gần 67,81 tỷ USD, tăng 15,6%, tương ứng tăng hơn 9,17 tỷ USD; nhập khẩu là hơn 60,66 tỷ USD, tăng 10,5%, tương ứng tăng hơn 5,75 tỷ USD.

Khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trong tháng 9/2014 đạt hơn 9,78 tỷ USD, giảm 5,6%, tương ứng giảm 576 triệu USD so với tháng 8/2014; tính đến hết 9 tháng/2014 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khối này đạt hơn 89,01 tỷ USD, tăng 12,7% , tương ứng tăng hơn 10,06 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2013.

II. Diễn biến một số nhóm hàng xuất khẩu chính

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu 10 nhóm hàng lớn nhất đến 30/9/2014 so với cùng kỳ năm 2013



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hàng thủy sản: xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 722 triệu USD, giảm 5,3% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng lên 5,75 tỷ USD, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2013.

Các thị trường chính của thủy sản Việt Nam trong 9 tháng 2014 đã có tốc độ tăng khá cao, trong đó, sang Hoa Kỳ đạt 1,28 tỷ USD, tăng 26,8%; sang EU đạt hơn 1 tỷ USD, tăng 27,1%; sang

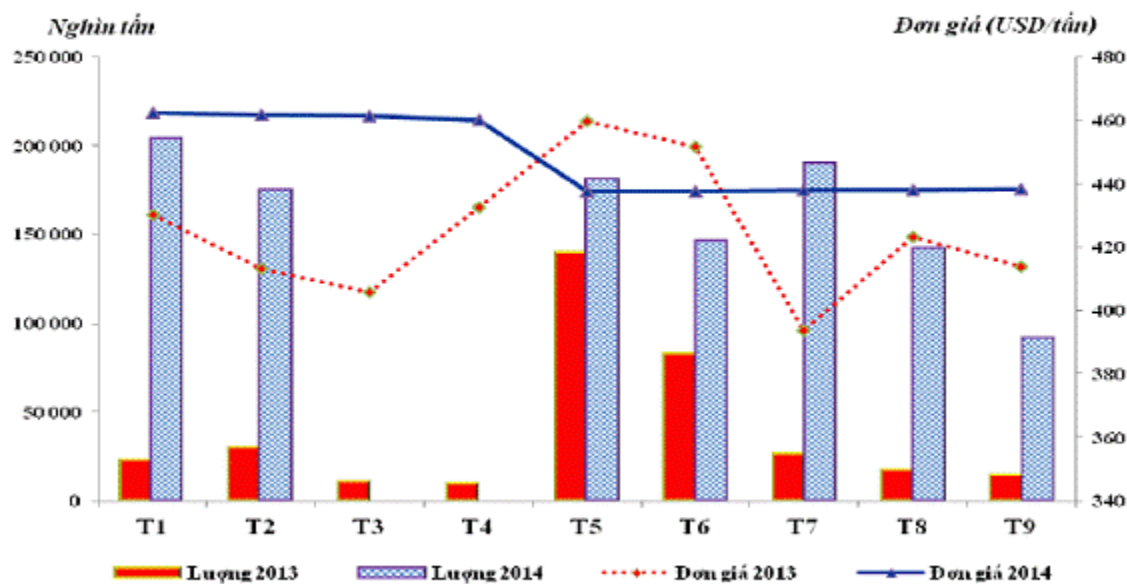
Hàn Quốc đạt 467 triệu USD, tăng 44,6%. Riêng thị trường Nhật Bản đạt 850 triệu USD, có mức tăng thấp hơn là 8,4%.

Cà phê: lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 9/2014 là 97 nghìn tấn, trị giá đạt 214 triệu USD, giảm 0,4% về lượng và giảm 1,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết quý III/2014, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,39 triệu tấn, trị giá đạt 2,88 tỷ USD, tăng 35,3% về lượng và tăng 31% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013.

Gạo: lượng gạo xuất khẩu của cả nước trong tháng 9 là 519 nghìn tấn, giảm 21,7% và trị giá đạt 243 triệu USD, giảm 19,4% so với tháng trước. Như vậy, tính đến hết quý III/2014, lượng xuất khẩu nhóm hàng này là 5,01 triệu tấn, giảm 5,4% và trị giá đạt 2,28 tỷ USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng qua, Trung Quốc là đối tác lớn nhất nhập khẩu gạo của Việt Nam với 1,7 triệu tấn, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2013. Tuy nhiên, xuất sang Philippin đạt 1,13 triệu tấn, tăng hơn 2 lần. Tính chung, lượng gạo xuất sang 2 thị trường này đạt 2,82 triệu tấn, chiếm 56% tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước.

**Biểu đồ 3: Lượng và đơn giá xuất khẩu Gạo sang Philippin
9 tháng/2013 và 9 tháng/2014**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cao su: tháng 9/2014, lượng cao su xuất khẩu đạt 128 nghìn tấn, trị giá đạt 206 triệu USD, tăng 12% về lượng và 7,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết quý 3/2014, lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước đạt 698 nghìn tấn, giảm 3,4% và trị giá đạt 1,23 tỷ USD, giảm 28% so với cùng kỳ năm 2013 (tương ứng giảm 480 triệu USD, trong đó do giá giảm là 422 triệu USD và do lượng giảm là 58 triệu USD).

Trung Quốc vẫn là đối tác chính nhập khẩu cao su của Việt Nam trong 9 tháng qua với 292 nghìn tấn, giảm 9,6% và chiếm tới 42% lượng cao su xuất khẩu của cả nước; tiếp theo là Malaixia: 138 nghìn tấn, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2013...

Dầu thô: trong tháng lượng xuất khẩu là 615 nghìn tấn, giảm 28,8%, trị giá là 470 triệu USD, giảm 32,6% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2012, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 6,84 triệu tấn, tăng 10,3% và kim ngạch đạt 5,81 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam trong 9 tháng qua chủ yếu được xuất khẩu sang Ôxtrâyliia: 1,71 triệu tấn, tăng 43,6%; sang Nhật Bản: 1,61 triệu tấn, giảm 9,2%; sang Trung Quốc: 1,27 triệu tấn, tăng 96,1%; sang Malaixia: 736 triệu tấn, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm 2013...

Than đá: xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 585 nghìn tấn, tăng 9,6% so với tháng trước. Tính đến hết quý III/2014, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 5,84 triệu tấn, giảm 34,9% với trị giá là 435 triệu USD, giảm 32,9% so với cùng kỳ năm 2013.

Trung Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam, chiếm 61% tổng lượng than đá xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên trong 9 tháng qua, xuất khẩu than đá sang thị trường này chỉ đạt 3,58 triệu tấn, giảm gần ½ so với 9 tháng/2013.

Hàng dệt may: xuất khẩu trong tháng đạt 1,94 tỷ USD, giảm 9,4% so với tháng trước, qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng/2014 lên 15,52 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2013 (tương ứng tăng 2,48 tỷ USD).

Trong 9 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 7,36 tỷ USD, tăng 15,5% (tương ứng tăng 989 triệu USD); sang EU đạt 2,44 tỷ USD, tăng 24,1% (tương ứng tăng 473 triệu USD); sang Nhật Bản đạt 1,93 tỷ USD, tăng 10,9% (tương ứng tăng hơn 189 triệu USD) và sang Hàn Quốc: 1,54 triệu USD, tăng 42% (tương ứng tăng 456 triệu USD) so với 9 tháng/2013.

Giày dép các loại: kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 761 triệu USD, giảm 16,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2014, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 7,44 tỷ USD, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường EU đạt 2,55 tỷ USD, tăng 25,2%; Hoa Kỳ đạt 2,41 tỷ USD, tăng 25,6%; sang Nhật Bản đạt 396 triệu USD, tăng 38,1%; sang Trung Quốc đạt 372 triệu USD, tăng 45,8% so với cùng kỳ năm 2013.

Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giấy: đạt kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9/2014 là gần 100 triệu USD; giảm 1,8% so với tháng trước, tính đến hết 9 tháng năm 2014 đạt kim ngạch 785 triệu USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2013.

Các thị trường xuất khẩu nguyên phụ liệu dệt, may, da, giấy của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2014 như: Hồng Kông đạt gần 104 triệu USD, tăng mạnh 57,6% so với cùng kỳ năm 2013; thị trường In đô nê xia đạt kim ngạch 84 triệu USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2013; tiếp theo các thị trường như Campuchia, Trung Quốc;

Điện thoại các loại & linh kiện: trị giá xuất khẩu trong tháng 9/2012 đạt 2,04 tỷ USD, qua đó nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 3 quý/2014 lên 17,26 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước (tương ứng tăng 1,75 tỷ USD). Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 9 tháng qua là EU với 6,29 tỷ USD, tăng 2,4% và chiếm 44% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 2,85 tỷ USD, tăng 8,2%; Hoa Kỳ: 916 triệu USD, tăng gấp gần 3 lần; Hồng Kông: 631 triệu USD, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2013...

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: trị giá xuất khẩu trong tháng 9 đạt 982 triệu USD, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này 3 quý/2014 lên 7,49 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc là đối tác lớn nhất nhập khẩu nhóm hàng này của Việt Nam trong 9 tháng qua với 1,53 tỷ USD, giảm 5,9%; tiếp theo là EU: 1,45 tỷ USD, giảm 15,4%; Hoa Kỳ: 1,26 tỷ USD, tăng 32,1% và Hồng Kông: 569 triệu USD, tăng 93,1% so với cùng kỳ năm trước.

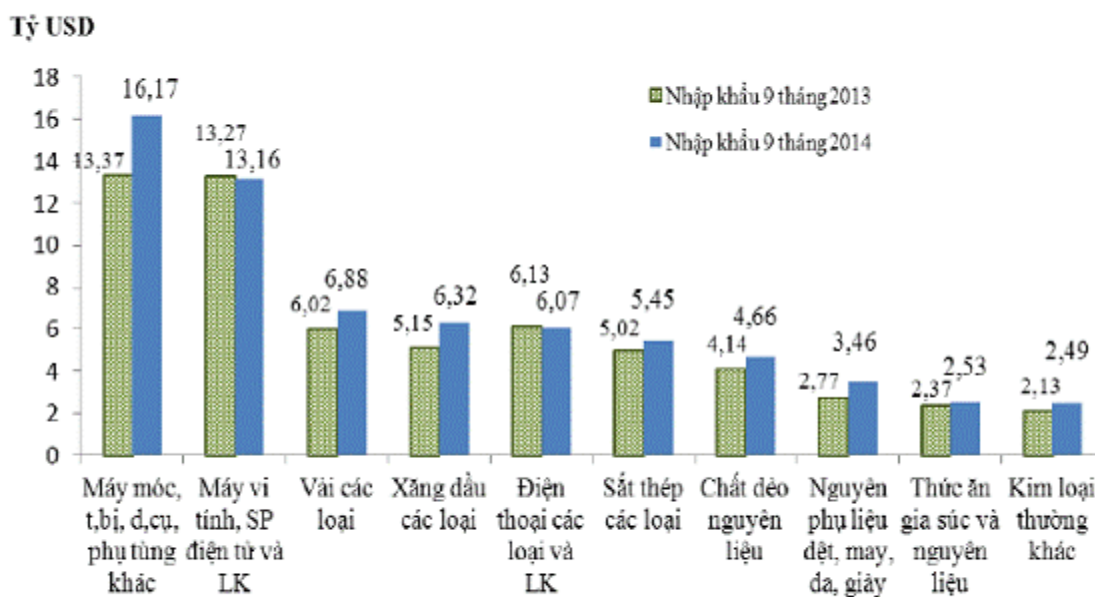
Máy ảnh, máy quay phim & linh kiện: trong tháng 9/2014, xuất khẩu nhóm hàng này đạt 331 triệu USD, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 9 tháng lên 1,28 tỷ USD, tăng mạnh 36,4% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, xuất khẩu sang Hồng Kông: 1,05 tỷ USD, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 82% tổng kim ngạch mặt hàng này của cả nước.

Phương tiện vận tải và phụ tùng: kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9/2014 đạt 397 triệu USD, giảm 9,6% so với tháng trước. Đến hết tháng 9/2014 kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này đạt hơn 4,16 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2013

Các thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong 9 tháng năm 2014 như: Nhật Bản đạt kim ngạch hơn 1,51 tỷ USD; Trung Quốc đạt 533 triệu USD; Hoa Kỳ đạt kim ngạch 430 triệu USD; ...

III. Một số nhóm hàng nhập khẩu chính

**Biểu đồ 4: Kim ngạch nhập khẩu 10 nhóm hàng lớn nhất đến
30/9/2014 và so với cùng kỳ năm 2013**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: kim ngạch nhập khẩu trong tháng là 2,04 tỷ USD, tăng 3,6% so với tháng 8. Tính từ đầu năm đến hết tháng 9/2014, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 16,2 tỷ USD, tăng 21% so với 9 tháng/2013; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 9,82 tỷ USD, tăng 28,4% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 6,35 tỷ USD, tăng 11,1%.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 9 tháng qua với trị giá là 5,69 tỷ USD, tăng 22,4%; tiếp theo là các thị trường: Nhật Bản: 2,63 tỷ USD, tăng 23,8%; Hàn Quốc: 2,23 tỷ USD, tăng 10,5%; Đài Loan: 1,06 tỷ USD, tăng mạnh 65,9%...

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là hơn 2 tỷ USD, tăng mạnh 36,9% về số tương đối và tăng 540 triệu USD về số tuyệt đối so với tháng trước.

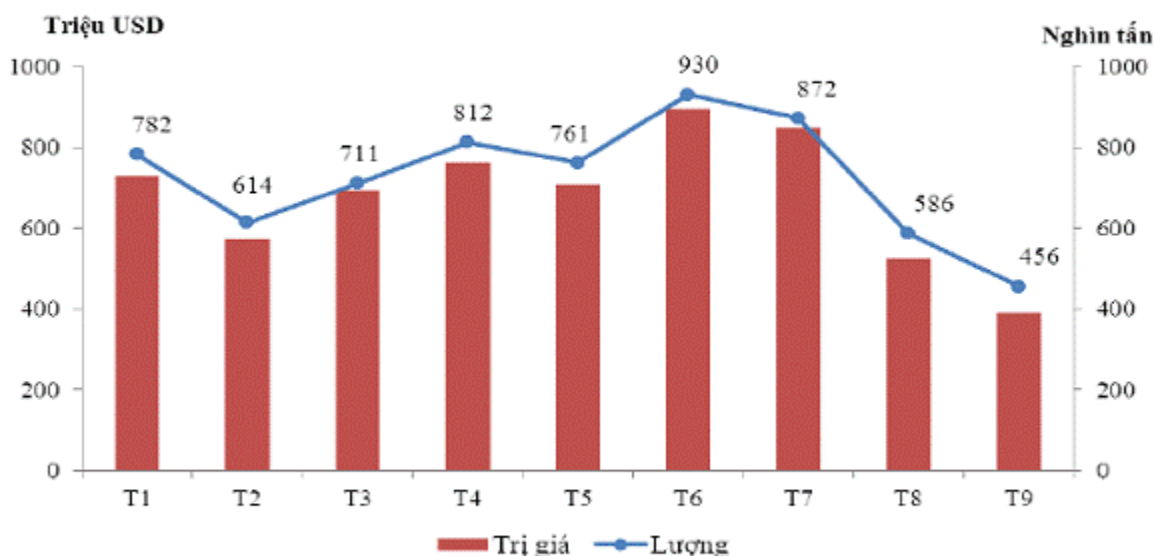
Tính trong 9 tháng/2014, cả nước nhập khẩu 13,16 tỷ USD nhóm hàng này, giảm nhẹ 0,9%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 11,95 tỷ USD, giảm 2,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,2 tỷ USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng/2014, Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 3,63 tỷ USD, giảm 6,3%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 3,29 tỷ USD, giảm nhẹ 0,5%; Xing ga po: 1,72 tỷ USD, tăng 9,2%; Nhật Bản: 1,26 tỷ USD, giảm nhẹ 1,8%... so với cùng kỳ năm 2013.

Xăng dầu các loại: lượng nhập khẩu trong tháng là 456 nghìn tấn, trị giá là 391 triệu USD, giảm 22,2% về lượng và giảm 25,6% về trị giá so với tháng trước.

Tính đến hết 9 tháng/2014, cả nước nhập khẩu 6,72 triệu tấn với trị giá là 6,32 tỷ USD, tăng 22,9% về lượng và tăng 22,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 5: Lượng và trị giá nhập khẩu xăng dầu các loại từ tháng 1 đến tháng 9/2014



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 9 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Xinh ga po với 2,26 triệu tấn, tăng 37%; Trung Quốc: 1,19 triệu tấn, tăng 30,2%; Đài Loan: 929 nghìn tấn, giảm 8,1%; Hàn Quốc: 542 nghìn tấn, tăng mạnh 77,9%... so với 9 tháng/2013.

Sắt thép các loại: lượng nhập khẩu sắt thép các loại trong tháng 9/2014 là 1,09 triệu tấn, tăng 4,5% với trị giá là 720 triệu USD, tăng 4,8% so với tháng trước.

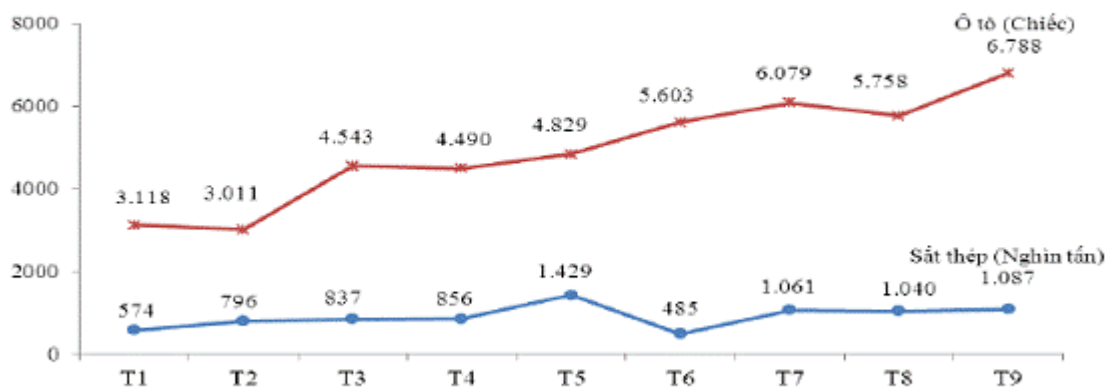
Tính đến hết tháng 9/2014, lượng sắt thép cả nước nhập về là 8,13 triệu tấn, trị giá là 5,45 tỷ USD, tăng 15% về lượng và tăng 8,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 9 tháng qua từ Trung Quốc là 3,95 triệu tấn, tăng 50,7% và chiếm 48,6% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 1,68 triệu tấn, giảm 13,7%; Hàn Quốc: 1,05 triệu tấn, tăng 2,2%; Đài Loan: 867 nghìn tấn, tăng 21,2%; Ấn Độ: 286 nghìn tấn, tăng 11,5%... so với 9 tháng/2013.

Ô tô nguyên chiếc: tháng 9 nhập khẩu gần 6,8 nghìn chiếc đạt trị giá 160 triệu USD, tăng 17,9% về lượng và 18,3% về trị giá so với tháng trước. Trong 9 tháng/2014, cả nước nhập về 44,08

nghìn chiếc ô tô nguyên chiếc các loại với trị giá là 968 triệu USD, tăng mạnh 75,2% về lượng và tăng mạnh 96,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013.

Biểu đồ 6: Lượng nhập khẩu ô tô nguyên chiếc và sắt thép các loại từ tháng 1 đến tháng 9/2014



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 9 tháng/2014, lượng xe 9 chỗ ngồi trở xuống nhập về Việt Nam là 19,5 nghìn chiếc, tăng 65,4%; ô tô tải là 17,6 nghìn chiếc, tăng 54,2% và ô tô loại khác là 7 nghìn chiếc, tăng mạnh 255% so với cùng kỳ năm 2013.

Hàn Quốc tiếp tục là thị trường chính cung cấp ô tô nguyên chiếc cho Việt Nam với 11,64 nghìn chiếc, tăng 7,2%. Tiếp theo là Thái Lan: 8,66 nghìn chiếc, tăng mạnh 52,1%; Trung Quốc: 8,4 nghìn chiếc, tăng mạnh 203%; Ấn Độ: 7,1 nghìn chiếc (cùng kỳ năm 2013 là 928 chiếc)...

Phân bón các loại: lượng phân bón nhập khẩu trong tháng là 434 nghìn tấn, trị giá là 154 triệu USD, tăng 33,2% về lượng và tăng 46,1% về trị giá so với tháng trước.

Tính đến hết 9 tháng/2014, tổng lượng phân bón các loại nhập khẩu vào Việt Nam lên đến gần 2,92 triệu tấn, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm trước. Đơn giá nhập khẩu bình quân giảm tới 14% nên trị giá nhập khẩu là 943 triệu USD, giảm 25,8% so với 9 tháng/2013.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp phân bón cho Việt Nam trong 9 tháng/2014 với 1,54 triệu tấn, giảm 11,3% và chiếm 52,6% tổng lượng phân bón cả nước nhập về; tiếp theo là Nga: 296 nghìn tấn, tăng mạnh 68,2%; Nhật Bản: 241 nghìn tấn, tăng 10,3%... so với cùng kỳ năm 2013.

Nhóm nguyên vật liệu dệt may, da, giày: trị giá nhập khẩu trong tháng là 1,43 tỷ USD, tăng 9,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 9/2014, cả nước nhập khẩu 12,61 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 17%. Trong đó, trị giá vải nhập khẩu là 6,88 tỷ USD, tăng 14,3%; nguyên phụ liệu: 3,46 tỷ USD, tăng 25,1%; xơ sợi: 1,16 tỷ USD, tăng 3,2% và bông là 1,11 tỷ USD, tăng 27,9%.

Trong 9 tháng/2014, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 4,95 tỷ USD, tăng 23,3%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,07 tỷ USD, tăng 9,4%; Đài Loan: 1,69 tỷ USD, tăng 10%; Hoa Kỳ: 645 triệu USD, tăng 16,9%... so với cùng kỳ năm trước.

Chất dẻo nguyên liệu: kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 291 nghìn tấn, tương đương 547 triệu USD, giảm 2,5% về lượng và giảm 0,6% về trị giá so với tháng trước, đến hết 9 tháng năm 2014 kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này đạt gần 2,54 triệu tấn, có trị giá hơn 4,66 tỷ USD, tăng 10,2% về lượng và tăng 12,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2013.

Các thị trường cung cấp chất dẻo nguyên liệu cho Việt Nam trong 9 tháng năm 2014 như: Ả rập Saudi đạt kim ngạch 564 nghìn tấn, trị giá 844 triệu USD, tăng 9,1% về lượng và 18,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước; thị trường Hàn Quốc đạt 458 nghìn tấn, trị giá 870 triệu USD, giảm 2,5% về lượng và 0,5% về trị giá so với cùng kỳ năm trước; thị trường Đài Loan đạt 375 nghìn tấn, trị giá 717 triệu USD, tăng 15,8% về lượng và tăng 19,3% về trị giá so với cùng kỳ năm trước; ...

Thức ăn gia súc và nguyên liệu: kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 329 triệu USD, tăng 15% so với tháng trước, đến hết 9 tháng năm 2014, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này đạt hơn 2,53 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước.

Các thị trường cung cấp thức ăn gia súc và nguyên liệu chính cho Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2014 như: thị trường Úc đạt 969 triệu USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước; thị trường Hoa kỳ đạt 310 triệu USD, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2013; các thị trường khác như Trung Quốc đạt 229 triệu USD, tăng 112,8% so với cùng kỳ năm 2013;